

QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM - QUÁ TRÌNH 40 NĂM (1975 - 2015)

Tóm tắt: Bài viết đề cập tiến trình đổi mới quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo trong 40 năm (1975 - 2015). Với phương pháp tiếp cận lịch đại, tác giả đã phân tích tiến trình đổi mới qua hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất: 1975 - 1990; Giai đoạn thứ hai: 1990 - 2015. Tác giả cho rằng do điều kiện lịch sử nên một số chủ trương, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước còn bộc lộ những bất cập ở thời kỳ trước “Đổi mới”. Giai đoạn thứ hai được đánh giá là giai đoạn đột phá trong việc “tái nhận thức về tôn giáo” với quan điểm “Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới” ghi trong Nghị quyết số 24-NQ/TW. Ngoài ra, bài viết còn khảo cứu sự đổi mới trong chính sách với “một số tôn giáo mang tính đặc thù” như: Tin Lành, Islam giáo, Phật giáo Nam tông Khmer. Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số thành tựu và bài học kinh nghiệm của tiến trình đổi mới đó.

Từ khóa: Đổi mới, chính sách, quan điểm, Đảng, Nhà nước, tôn giáo.

1. Đặt vấn đề

Trong Nghị quyết 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Về công tác tôn giáo trong tình hình mới ban hành ngày 12/3/2003, ngay phần mở đầu đã khẳng định: Qua các giai đoạn cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công tác tôn giáo là một vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng¹. Điều đó cho thấy Đảng, Nhà nước Việt Nam đặt vai trò, vị trí của công tác tôn giáo thiết yếu như thế nào trong tiến trình cách mạng.

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo. Đại bộ phận nhân dân đều có niềm tin tôn giáo cũng như một bộ phận không nhỏ là tín đồ của các tôn giáo. Trong lịch sử, các nhà nước quân chủ từ Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần đến Hậu Lê, Nguyễn nhờ có tầm nhìn đúng đắn, sáng tạo nên đã phát huy vai trò của tôn giáo vào các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có quan điểm, chính sách đúng đắn, tập hợp chức sắc, tín đồ các tôn giáo trong khối đại đoàn kết dân tộc, tạo sức mạnh nhằm hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo dân tộc Việt Nam thực hiện cuộc cách mạng giải phóng đất nước, đưa dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội. Quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam trước hết kế thừa truyền thống và những bài học kinh nghiệm ứng xử với tôn giáo của cha ông để lại, đồng thời là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. “Trong cách mạng dân tộc, dân chủ, chính sách “tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết” do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đoàn kết toàn dân kháng chiến thắng lợi, giành độc lập thống nhất hoàn toàn cho đất nước”².

Ngày 30/4/1975, Sài Gòn giải phóng, đất nước độc lập, thống nhất, Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới, cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trước thời cơ và vận hội mới, Đảng, Nhà nước Việt Nam sau hơn 10 năm đất nước thống nhất đã tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện trong đó có đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo. Bài viết này tổng hợp chặng đường 40 năm quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước (1975 - 2015) qua 3 nội dung sau đây:

(1) Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam qua Báo cáo Chính trị các kỳ Đại hội Đảng, Cương lĩnh phát triển đất nước và qua các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

(2) Đổi mới chính sách đối với một số tôn giáo mang tính đặc thù.

(3) Thành tựu và bài học kinh nghiệm của tiến trình đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam.

1. Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng qua Báo cáo Chính trị các kỳ Đại hội Đảng, Cương lĩnh phát triển đất nước và qua các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước

1.1. Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam trước Đổi mới (1975 - 1990)

1.1.1. Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo qua Báo cáo Chính trị ba kỳ Đại hội Đảng IV, V, VI

Công cuộc Đổi mới toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam được bắt đầu từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986). Do vậy, năm 1986 được tính là khởi điểm của công cuộc Đổi mới. Song với tôn giáo, đổi mới quan điểm, chính sách tôn giáo được tính vào thời điểm Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 24/NQ-TW *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới* ngày 16/10/1990, tức là 4 năm sau Đại hội VI. Vì vậy, Báo cáo Chính trị các kỳ Đại hội Đảng IV, V, VI chưa thấy thể hiện đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo. Cả ba kỳ Đại hội, Báo cáo Chính trị, phần tôn giáo nhìn chung có kết cấu theo các nội dung như sau:

- Tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, tôn trọng quyền theo đạo hoặc không theo đạo của mọi công dân, đối xử bình đẳng về mặt pháp luật với các tôn giáo.
- Đoàn kết các tôn giáo để xây dựng, phát triển đất nước.
- Chăm lo, giúp đỡ đồng bào theo các tôn giáo xây dựng cuộc sống mới.
- Cảnh giác, kiên quyết kịp thời chống mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo phá hoại Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội³.

Báo cáo Chính trị Đại hội IV (1976) do là Đại hội đầu tiên sau ngày thống nhất đất nước nên Đảng nhấn mạnh đến tôn giáo ở Miền Nam, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào có đạo cũng như không có đạo ở vùng mới giải phóng, giáo dục, tuyên truyền trong nhân dân nâng cao tinh thần yêu Tổ quốc, kiên quyết đập tan những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của bọn đế quốc và bọn phản động núp trong tôn giáo.

1.1.2. Nghị quyết 40-NQ/TW về công tác tôn giáo

Nghị quyết có tên là *Nghị quyết của Ban Bí thư về công tác đối với các tôn giáo trong tình hình mới*, ban hành ngày 01/10/1981⁴. Đây là Nghị quyết để lại dấu ấn trước Đổi mới. Bố cục của Nghị quyết gồm 3 phần: Phần thứ nhất: Tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo đối với các tôn giáo trong thời gian qua. Phần thứ hai: Chủ trương, chính sách của Đảng đối với các tôn giáo trong tình hình mới. Phần thứ ba: Về lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện.

Phần thứ nhất gồm hai nội dung: (1) Nhận định về tình hình từng tôn giáo cụ thể; (2) Thành tựu và những thiếu sót của các cấp ủy đảng và các ngành có nhiệm vụ chính trị đối với công tác tôn giáo. Phần nhận định về tình hình từng tôn giáo là sát hợp, cụ thể, đánh giá, ghi nhận những mặt tích cực, tiên tiến đạt được của hàng ngũ chức sắc, nhà tu hành, tín đồ của đất nước. Nghị quyết cũng đã “điểm huyệt” những tiêu cực đang hiện diện ở từng tôn giáo cụ thể. Ví dụ, Nghị quyết nhấn mạnh đến Công giáo ở Miền Nam: “Trình độ giác ngộ của giáo dân còn thấp, nhận thức về chủ nghĩa xã hội, về âm mưu của địch lợi dụng tôn giáo còn nhiều mơ hồ. Vì bị tư tưởng “chống cộng” đầu độc lâu ngày”. Với Phật giáo, “Giáo hội Phật giáo Ấn Quang đã được cải tạo một bước... Tuy nhiên cuộc đấu tranh chống lại bọn phản động để thống nhất Phật giáo và xóa bỏ Giáo hội Phật giáo thuộc phái Ấn Quang còn diễn ra phức tạp”. Đối với Phật giáo Hòa Hảo, “Đã xóa bỏ hệ thống chính trị phản động và trở lại có hệ thống tổ chức như lúc đầu, nhưng bọn phản động... vẫn còn lén lút hoạt động, nhen nhóm các tổ chức phản cách mạng và tìm cách củng cố tín ngưỡng cho tín đồ để nắm quần chúng”.

Phần Đánh giá thành tựu và thiếu sót của các cấp ủy đảng và các ngành có nhiệm vụ chính trị đối với công tác tôn giáo, sau khi nêu một số kết quả đạt được, Nghị quyết chỉ ra những thiếu sót về công tác tuyên truyền về việc thiếu chặt chẽ trong quản lý tôn giáo. Đặc biệt Nghị quyết chỉ rõ: “Mặt khác lại có khuynh hướng muốn xóa nhanh tôn giáo một cách chủ quan bằng biện pháp hành chính dẫn đến những hành động vi phạm chính sách tôn giáo, trong đó có những hành động vi phạm thô bạo”. Nguyên nhân của những thiếu sót được Nghị quyết nhấn mạnh: “Cán bộ các cấp, các ngành chưa nhận thức sâu sắc về vị trí và tầm quan trọng của công tác đối với tôn giáo, về âm mưu của đế quốc và bọn phản động lợi dụng tôn giáo”. Và “Các ngành, các đoàn thể chưa đề cao trách nhiệm đối với công tác tôn giáo... Bộ máy tôn giáo vận từ Trung ương đến cơ sở đều yếu hoặc quá yếu không đủ sức nghiên cứu và giúp cấp ủy Đảng chỉ đạo”.

Trên cơ sở nhìn nhận, đánh giá tình hình tôn giáo nói chung, tình hình từng tôn giáo cụ thể nói riêng, Nghị quyết đề ra chủ trương chính sách chung và chủ trương, chính sách đối với từng tôn giáo theo hướng vừa cụ thể nhằm đáp ứng tình hình thực tế tôn giáo đang diễn ra lúc bấy giờ vừa đề ra chủ trương chính sách lâu dài.

Về chính sách chung: Các hoạt động tôn giáo bình thường được tiến hành theo chính sách của Nhà nước đã quy định; Chức sắc, nhà tu hành trong các tôn giáo được đi lại hoạt động tôn giáo trong phạm vi quyền hạn họ phụ trách; Vùng kinh tế mới có đông giáo dân được phép xây nhà thờ, linh mục được đến đó làm lễ cho giáo dân; Các cơ sở tôn giáo cần được tôn trọng. Nếu vay mượn phải thương lượng, thuyết phục với tôn giáo. Những cơ sở tôn giáo nguyện hiến cho chính quyền thì phải sử dụng vào mục đích công cộng; Nhà nước đồng ý cho các tôn giáo được mở trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo; Tôn trọng hoạt động đối ngoại của các tôn giáo, chẳng hạn như quan hệ giữa Công giáo Việt Nam với Vatican.

Về chính sách cụ thể: Với Phật giáo là biện pháp đối với Giáo hội Phật giáo phái Ấn Quang, là “giúp đỡ ban vận động Phật giáo Việt Nam thành lập một tổ chức chung cho Phật giáo cả nước theo phương hướng đi với dân tộc và chủ nghĩa xã hội”. Với Công giáo là chính sách đối với dòng tu, với hội đoàn, là hướng tôn giáo này gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Với Cao Đài, không thống nhất các phái, xóa bỏ cầu cơ; đấu tranh, trấn áp làm tan rã nhóm phản động trong phái Cao Đài Tây Ninh. Với Phật giáo Hòa Hảo “để tồn tại ở địa phương, tôn trọng quyền thờ cúng của tín đồ ở từng gia đình”...

1.1.3. Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Nhà nước qua Nghị định 297-CP của Hội đồng Chính phủ

Hơn hai năm sau ngày đất nước thống nhất, ngày 11/11/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 279-CP *Về một số chính sách đối với tôn giáo*⁵. Về sau, Nghị quyết được gọi là *Nghị định* bởi những nội dung mà nó đặt ra. Phần mở đầu Nghị định nêu ra 5 nguyên tắc cơ bản trong chính sách tôn giáo. Nội dung của 5 nguyên tắc về cơ bản thể hiện quan điểm chính sách của Đảng được đề ra trong Báo cáo Chính trị, phần tôn giáo. Điểm mới của Nghị định thể hiện ở 6 chính sách cụ thể đối với công tác tôn giáo. Trước hết là việc phân cấp quản lý các hoạt động tôn giáo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tôn giáo hoạt động thuận tiện; Là chính sách đối với kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội của các tôn giáo. Đây là thời kỳ ruộng đất có vai trò hết sức quan trọng đối với tôn giáo. Cuộc sống của các nhà tu hành và những hoạt động tôn giáo chủ yếu dựa vào nguồn thu hoa lợi từ ruộng đất. Vì vậy, Nghị định có những quy định rõ ràng với tinh thần tạo điều kiện để các tôn giáo có nguồn thu

nhập cao và ổn định. Việc cải tạo công nghiệp, tư bản tư doanh ở Miền Nam nhất là ở Thành phố Hồ Chí Minh có tính đến việc “chiếu cố tôn giáo”. Bởi vì ở Miền Nam trước giải phóng, một vài tôn giáo có những cơ sở kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa.

Một trong những đặc trưng của tôn giáo ở Việt Nam là có mối quan hệ với các tổ chức tôn giáo ở nước ngoài. Đất nước thống nhất, quan hệ đối ngoại trên trường quốc tế, trong đó có tôn giáo, ngày càng trở nên nhộn nhịp. Vì vậy, Nghị định dành chính sách thứ 6 quy định quan hệ quốc tế của các tôn giáo.

Dù những quy định trong Nghị định 297-CP chưa thật đầy đủ, có phần quy định còn chung chung, nhưng Nghị định bước đầu tạo cơ sở cho việc quản lý nhà nước về các hoạt động tôn giáo bằng luật pháp, mở đầu cho những nghị định tiếp theo. Nghị định đi vào cuộc sống và được duy trì trong nhiều năm về sau được thay thế bằng Nghị định 69-HĐBT, ngày 21/3/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) *Quy định về các hoạt động tôn giáo*.

Nhìn chung, thời kỳ trước Đổi mới, quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam (1975 - 1990) chưa có được sự “đột phá”. Song với cái nhìn biện chứng, bám sát tình hình thực tiễn, trước yêu cầu đòi hỏi của cách mạng trong thời kỳ mới, trước những phát sinh nhiều phức tạp diễn ra đối với tôn giáo, Đảng, Nhà nước Việt Nam kịp thời đề ra chủ trương, chính sách chung đối với tôn giáo và chính sách cụ thể đối với từng tôn giáo. Nhờ đó, các tôn giáo ở Việt Nam nói chung và tôn giáo ở Miền Nam nói riêng mau chóng đi vào ổn định hoạt động. Sinh hoạt của các tôn giáo diễn ra bình thường. Chẳng những Nhà nước không có sự “trả thù tôn giáo” như luận điệu của bọn phản cách mạng tung tin trước và sau ngày Miền Nam giải phóng, mà các tôn giáo còn được Nhà nước từng bước quan tâm không chỉ trên lĩnh vực hoạt động tôn giáo mà còn trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Các tôn giáo ở Việt Nam xác lập được mối quan hệ với Đảng, Nhà nước, với dân tộc, đoàn kết trong mặt trận thống nhất, hướng tới gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Những hoạt động chống phá cách mạng của thế lực phản động lợi dụng tôn giáo bị đập tan, an ninh chính trị đất nước được giữ vững.

Song thời kỳ trước Đổi mới (1975 - 1990), một số chủ trương, chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam còn bộc lộ những vấn đề bất cập. Quan điểm của Đảng về tôn giáo do “bối cảnh lịch sử”

nên còn nặng về việc nhìn nhận tính chính trị phản động lạc hậu trong tôn giáo (thể hiện ở Nghị quyết số 40 ngày 01/10/1981). Chính sách của Nhà nước đối với tôn giáo qua Nghị định 297-CP ngày 11/11/1977 còn sơ sài chưa bao quát hết các hoạt động tôn giáo diễn ra ngày một đa dạng và phức tạp. Từ đó, kéo theo một thực tế hoạt động phức tạp của các tôn giáo không được nhìn nhận một cách căn cơ và toàn diện. Không ít vụ việc tôn giáo vì vậy chỉ được giải quyết theo phương cách tình thế. Đó chính là một trong những nguyên nhân đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải Đổi mới quan điểm, chính sách tôn giáo cho phù hợp với thực tiễn.

1.2. Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam từ Đổi mới (1990) đến nay

Công cuộc Đổi mới toàn diện để phát triển đất nước được Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986). Cùng với chủ trương đổi mới lý luận, tư duy, mở rộng dân chủ trong Đảng cũng như toàn xã hội là sự đổi mới về kinh tế, xã hội. Trên cơ sở những thành công bước đầu, Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo. Quan điểm, chính sách đổi mới công tác tôn giáo được thể hiện trước tiên bằng Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới* ngày 16/10/1990 do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh ký. Từ đây gọi tắt là Nghị quyết 24.

1.2.1. Đột phá trong quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện trong Nghị quyết 24

Trong dòng đổi mới lý luận, tư duy, đổi mới kinh tế - xã hội phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thấy tôn giáo không thể đứng ngoài cuộc. Bởi với Việt Nam, tôn giáo có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong việc phát triển và bảo vệ đất nước. Và như phần trên đề cập, công tác tôn giáo thời kỳ 1975 - 1990 tuy đạt được những thành tựu cụ thể, song trên thực tế bộc lộ nhiều bất cập mà trước hết về phương diện lý luận. Vì vậy, đổi mới quan điểm, chính sách tôn giáo phải được bắt đầu từ *tái nhận thức về tôn giáo*. Điều này được thể hiện bằng các quan điểm sau đây trong Nghị quyết: “Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”⁶. Đi sâu phân tích cho thấy:

Một là, Đảng nhìn nhận về sự tồn vong của tôn giáo (khẳng định tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài. Bởi những điều kiện để tôn giáo tồn tại vẫn đang hiện tồn. Và nhìn nhận tôn giáo còn tồn tại lâu dài để thấy rõ ràng nó có tính hợp lý để được quần chúng tín đồ tin theo, nuôi dưỡng. Đồng thời, Đảng phải có chính sách phù hợp để hợp tác với tôn giáo, đồng thời khai thác những mặt tích cực của tôn giáo vào việc phục vụ lợi ích dân sinh thay vì “nhận thức thiển cận đối với tôn giáo, và thái độ hẹp hòi, thành kiến phân biệt đối xử với đồng bào có đạo”.

Hai là, Đảng nhìn nhận về nhu cầu tâm linh của một bộ phận tín đồ, cũng có nghĩa là bộ phận nhân dân (Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân). Do nhu cầu tinh thần mà con người sáng tạo ra tôn giáo, cũng như do nhu cầu lương thực để nuôi sống mình, con người phải gieo trồng, phải chăn nuôi. Vấn đề tương tự như chẳng có gì phải bàn cãi, nhưng có một thời gian do nghiêng về nhìn nhận sự tiêu vong của tôn giáo mà bỏ qua nhìn nhận nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Khi nhìn nhận đó là nhu cầu của một bộ phận nhân dân cũng có nghĩa là sẽ có chính sách phù hợp đáp ứng.

Ba là, Đảng nhìn nhận vai trò của tôn giáo (Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới). Trước đó, đạo đức tôn giáo không được đánh giá cao, thậm chí còn bị cho rằng “đó là thứ đạo đức trên trời”. Như vậy, Đảng xác định tôn giáo, cụ thể ở đây là đạo đức tôn giáo, có vai trò trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Như vậy, (1) Đảng Cộng sản Việt Nam tái nhận thức về bản chất, vai trò, vị trí của tôn giáo với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới; (2) Khắc phục về cơ bản cách nhìn tôn giáo nặng về yếu tố chính trị, thành kiến, hẹp hòi đối với tôn giáo; (3) Cách tiếp cận tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam là đa chiều, phản ánh tư duy đổi mới sắc bén ở tầm cao trí tuệ.

Cùng với đổi mới về quan điểm là đổi mới về chính sách đối với tôn giáo. Điều này thể hiện ở nội dung sau: Các giáo hội và các hệ phái tôn giáo có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ, mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp nhà nước, có tổ chức thích hợp và có bộ máy nhân sự đảm bảo tốt về hai mặt đạo, đời, được Nhà nước xem xét trong từng trường hợp cụ thể để cho phép hoạt động. Sở dĩ có chính sách trên là vì vào thời điểm Nghị quyết ban hành, ở Việt Nam tồn tại nhiều tôn giáo, trong đó chỉ có một số tôn giáo được công nhận chính thức, một số tôn giáo tồn tại dưới dạng giáo phái như các Hội Thánh Tin Lành, các hệ phái

Cao Đài... Việc xem xét cấp phép cho các tôn giáo, giáo phái, hệ phái đã được công nhận chính thức để hoạt động tôn giáo được đặt ra cấp thiết.

Do tính “đột phá” nên thời gian đầu, Nghị quyết 24 không phải không nhận được những ý kiến trái chiều. Nhưng thời gian cho thấy tính đúng đắn của Nghị quyết 24. Những “bước đột phá” của Nghị quyết 24 đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Có thể coi Nghị quyết 24 là bước ngoặt trong đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau khi Nghị quyết được ban hành một thời gian, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Nghị định 69-HĐBT ngày 21/3/1991 *Quy định về các hoạt động tôn giáo*, thay thế Nghị định 297-CP ngày 11/11/1977. Nghị định 69-HĐBT đã quán triệt được tinh thần đổi mới về nhận thức của Nghị quyết 24, kịp thời đáp ứng nhu cầu quản lý tôn giáo, giải quyết được không ít những bức xúc, những “tồn đọng” từ trước đó. Vì vậy, Nghị định mau chóng đi vào cuộc sống, tạo bầu không khí mới của đời sống tôn giáo ở Việt Nam. Đưa những quy định về quản lý tôn giáo ở Việt Nam dần dần hội nhập với luật pháp tôn giáo thế giới và khu vực, bảo đảm quyền tự do tôn giáo và không tôn giáo của người dân. Khi đời sống tôn giáo của nhân dân được cởi mở, được đáp ứng, chức sắc, tín đồ tin tưởng vào công cuộc đổi mới, tích cực thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, vận hành theo xu hướng sống “tốt đời, đẹp đạo”. Đồng thời các thể lực phản cách mạng không còn “đất” để dựa vào đó chống phá cách mạng của nhân dân Việt Nam. Từ đó góp phần quan trọng vào việc ổn định tình hình chính trị ở một thời điểm cực kỳ nhạy cảm những năm đầu 1990.

1.2.2. Chỉ thị 37 và Nghị quyết 25-NQ/TW: Sự chuyển tiếp, kế thừa và phát triển

1.2.2.1. Chỉ thị 37: Sự chuyển tiếp

Ngày 02/7/1998, Bộ Chính trị ra Chỉ thị *Về công tác tôn giáo trong tình hình mới*⁷. Nếu Nghị quyết 24 làm sáng tỏ quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhìn nhận tôn giáo, quan điểm về công tác tôn giáo và quan điểm về việc xem xét công nhận các tổ chức tôn giáo thì Chỉ thị 37 là sự cụ thể hóa những quan điểm đó bằng việc đề ra 6 nguyên tắc, chính sách và 7 nhiệm vụ của công tác tôn giáo.

Sáu nguyên tắc được Chỉ thị nêu ra về cơ bản là sự đúc rút những văn bản trước đó mà Đảng và Nhà nước đã ban hành với tôn giáo nhưng được làm sáng tỏ hơn, trình bày cô đọng, súc tích hơn mang tính chỉ đạo của

Đảng đề từ đó Nhà nước với chức năng quản lý sẽ thể chế hóa bằng chính sách hay văn bản luật. Trong 6 nguyên tắc, đáng chú ý là nguyên tắc thứ 4: Những hoạt động tôn giáo ích nước lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng, hợp pháp của tín đồ được bảo đảm. Những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy. Tiềm ẩn đằng sau nguyên tắc này là việc Đảng xác định trong thời đại mới những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo có vai trò của nó.

Trong 7 nhiệm vụ, đáng chú ý là các nhiệm vụ sau. Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn các tôn giáo thực hiện theo hướng: Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức lành mạnh, hướng thiện của tôn giáo phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc và đời sống xã hội; Thực hiện tôn giáo gắn bó với dân tộc, đoàn kết hòa hợp đồng bào các tôn giáo cùng toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiệm vụ 3: Chính phủ bổ sung Nghị định quy định về các hoạt động của tôn giáo; soạn thảo Pháp lệnh về tôn giáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành, làm cơ sở cho công tác quản lý Nhà nước, tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo pháp luật.

Chính phủ có quy định và hướng dẫn cụ thể về hoạt động của các dòng tu, tu hội, lập quỹ và hoạt động tài chính, hoạt động nhân đạo, từ thiện, hoạt động văn hóa nghệ thuật của các tôn giáo; quan hệ đối ngoại, việc sử dụng đất đai, việc xây dựng tu sửa cơ sở thờ tự, việc đào tạo các tu sĩ chức sắc tôn giáo và hoạt động khác của các tôn giáo phù hợp với chính sách, pháp luật...”.

Trên cơ sở Chỉ thị 37, ngày 19/4/1999, Chính phủ ban hành Nghị định 26/1999/NĐ-CP *Về các hoạt động tôn giáo*, đặc biệt là việc soạn thảo Pháp lệnh về tôn giáo.

Nhìn một cách tổng thể, Chỉ thị 37 không tạo bước đột phá mà là triển khai Nghị quyết 24, khắc phục những tình trạng bất cập trước đó. Chỉ thị cô đúc lại những vấn đề quan thiết mà Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương phải thực hiện do nhu cầu thực tế đặt ra. Vì vậy, có thể xem Chỉ thị 37 là một văn bản có tính chuyển tiếp từ Nghị quyết 24 đến Nghị quyết 25.

1.2.2.2. Nghị quyết 25 - Kế thừa và phát triển

Ngày 12/3/2003, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW *Về công tác tôn giáo trong tình hình mới* (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 25). Nghị quyết ra đời là kết quả của Hội nghị Trung ương

lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX - một hội nghị chuyên sâu về vấn đề dân tộc, tôn giáo. Nghị quyết gồm 5 nội dung với 5 mục rất cụ thể: (1) Tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo; (2) Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo; (3) Nhiệm vụ công tác tôn giáo; (4) Các giải pháp chủ yếu; (5) Tổ chức thực hiện⁸.

Trước khi đi vào những quan điểm, chính sách cụ thể, Nghị quyết nêu lên tiền đề để đề ra quan điểm và ban hành chính sách. Đó là: Hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nghị quyết đề ra 5 quan điểm, chính sách đối với tôn giáo.

Quan điểm thứ nhất: *Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.* Nếu như Nghị quyết 24 nêu: Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài, thì Nghị quyết 25 kế thừa và phát triển thêm mệnh đề “đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Nghĩa là Đảng nhìn nhận cụ thể hơn, rõ hơn sự tồn tại lâu dài như thế nào của tôn giáo. Ấn ý đằng sau của quan điểm còn là phải tôn trọng sự thật, không chủ quan, nóng vội, phải đáp ứng nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân là tín đồ các tôn giáo.

Quan điểm thứ hai: *Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.* Với quan điểm này, Đảng tiếp tục khẳng định vai trò to lớn của tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới. Đại đoàn kết toàn dân tộc còn là đoàn kết với cộng đồng có khoảng 4 triệu người Việt Nam đang làm ăn sinh sống ở nước ngoài trong đó có một bộ phận chức sắc, tín đồ các tôn giáo.

Quan điểm thứ ba: *Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.* Đó là sự kế thừa quan điểm của Nghị quyết 24. Nghị quyết 25 nhắc lại là một sự nhấn mạnh, sự cần thiết đã được thời gian kiểm nghiệm. Công tác vận động quần chúng các tôn giáo được Nghị quyết chỉ ra rất cụ thể: “Phải động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo

đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo”.

Quan điểm thứ tư: *Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị*. Quan điểm này kế thừa quan điểm thứ 3 của Nghị quyết 24. Sau 13 năm thực hiện Nghị quyết 24, quan điểm trên chứng tỏ phù hợp với thực tế, cần thiết tiếp tục thực hiện.

Quan điểm thứ năm: *Vấn đề theo đạo và truyền đạo*. Quan điểm này xuất phát từ thực tế đặt ra đối với các tôn giáo, trọng tâm là Tin Lành đang diễn ra ở Tây Nguyên và Tây Bắc. Chính nhờ quan điểm này mà vấn đề theo đạo và truyền đạo, nhất là đối với Tin Lành, dần dần được “tháo gỡ”. Các thế lực thù địch không còn có cơ vin vào để vu cáo Việt Nam vi phạm quyền tự do tôn giáo.

Năm quan điểm, chính sách đối với tôn giáo được đề ra trong Nghị quyết 25 có những quan điểm kế thừa Nghị quyết 24 (quan điểm 3 và 4), có quan điểm vừa kế thừa lại vừa có sự phát triển làm rõ thêm, cụ thể hơn (quan điểm thứ nhất và quan điểm thứ hai). Quan điểm thứ 5 là dựa trên những vấn đề bức xúc đặt ra cấp thiết đối với một số tôn giáo, nổi lên là Tin Lành.

Về nhiệm vụ công tác tôn giáo, Nghị quyết đề ra 6 nhiệm vụ, những nhiệm vụ này mang tính chỉ đạo. Đáng chú ý là một số nhiệm vụ:

- *Tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước.*

- *Hướng dẫn các tôn giáo thực hiện quan hệ đối ngoại phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh thông tin truyền thông về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước; đấu tranh làm thất bại những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch bên ngoài đối với tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo ở nước ta.*

Nhiệm vụ cuối cùng được Nghị quyết đề ra: “Tổng kết việc thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về công tác tôn giáo. Tăng cường nghiên cứu cơ bản, tổng kết thực tiễn, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách trước mắt và lâu dài đối với tôn giáo”. Việc tổng kết sẽ chỉ ra được nguyên nhân của cả thành tựu và tồn tại để khắc phục trong tình hình mới của cách mạng. Nhất là để kế thừa, phát huy những phương thức và thành tựu mà chủ trương, chính sách của Đảng về công tác tôn giáo đạt được. Đồng

thời cung cấp những luận cứ khoa học để Đảng tiếp tục đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo.

Về các giải pháp, Nghị quyết đề ra 4 giải pháp chủ yếu. Giải pháp thứ nhất có nội dung: Giữ gìn và phát huy truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với Tổ quốc, dân tộc và nhân dân; tôn trọng tín ngưỡng truyền thống của đồng bào các dân tộc và đồng bào có đạo, thông qua đó tăng cường sự đồng thuận giữa những người có tôn giáo và những người không tôn giáo; giữa những người có tôn giáo khác nhau; đồng thời, tạo cơ sở để đấu tranh chống những tà đạo, những hoạt động mê tín dị đoan, lợi dụng tôn giáo làm hại đến lợi ích của Tổ quốc, dân tộc và nhân dân.

Giải pháp chủ yếu thứ ba có nhiều nội dung. Đáng kể là các nội dung:

- Sớm ban hành Pháp lệnh về tôn giáo và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chuẩn bị để tiến tới xây dựng *Luật về tín ngưỡng, tôn giáo*.
- Giải quyết việc tôn giáo tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục...
- Thống nhất chủ trương xử lý vấn đề nhà, đất sử dụng vào mục đích tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo.
- Đối với hội đoàn tôn giáo, thực hiện theo nguyên tắc mọi tổ chức tôn giáo phải được Nhà nước công nhận và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Bốn nội dung mà Nghị quyết đề ra nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách đặt ra từ hiện tại. Nghị quyết ban hành một thời gian, *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* được Quốc hội công bố (ngày 18/6/2004). Trong Pháp lệnh có những điều khoản quy định cụ thể về vấn đề xã hội hóa các hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục... của tổ chức tôn giáo; Vấn đề “hội đoàn” tôn giáo - một “sự kiện” của Nghị quyết 40 - cơ bản được giải tỏa; Vấn đề nhà, đất sử dụng vào mục đích tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo, được Chính phủ ban hành Chỉ thị 1940/CT-TTg, ngày 31/12/2008 quy định cụ thể và chi tiết.

1.2.3. Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng thể hiện qua Cương lĩnh và Báo cáo chính trị các kỳ đại hội Đảng

1.2.3.1. Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng thể hiện qua Cương lĩnh

Năm 1991, khi mà những tư tưởng đổi mới toàn diện của Đảng thể hiện ở Đại hội VI (1986) đã dần bắt rễ vào cuộc sống. Đồng thời trước những chuyển đổi có tính bước ngoặt của đất nước, trước tình hình biến động của thế giới, Đảng đề ra *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Về sau gọi là *Cương lĩnh 1991*)⁹. Năm 2011, Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức Đại hội lần thứ XI. Đây là Đại hội đánh giá chặng đường Đổi mới do Đảng đề xuất, lãnh đạo và tiếp tục bước đường Đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trước yêu cầu và nhiệm vụ mới của đất nước, Đảng thấy cần thiết bổ sung quan điểm đường lối lãnh đạo dân tộc thể hiện qua Cương lĩnh mới với tên gọi: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*¹⁰. Trong cả hai Cương lĩnh mới, Đảng đều đề cập đến tôn giáo. Vì là Cương lĩnh nên quan điểm của Đảng về tôn giáo ngắn gọn, mang tính khái quát cao. Thể hiện ở hai nội dung: (1) Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; (2) Chống việc lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân. *Cương lĩnh 1991* có thêm nội dung: Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân.

1.2.3.2. Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng thể hiện qua Báo cáo Chính trị các kỳ Đại hội Đảng VII, VIII, IX, X, XI¹¹

Xuyên suốt các Báo cáo Chính trị tại các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đến lần thứ XI đều có hai phần nội dung (1) và (2) thể hiện trong hai Cương lĩnh đã đề cập ở phần trên. Có thể xem đó là những quan điểm bất di bất dịch. Ở mỗi kỳ Đại hội, tùy theo những vấn đề đặt ra đối với tôn giáo mà Báo cáo Chính trị nhấn mạnh vào những vấn đề đó, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm. Với Đại hội VII là: *Khắc phục thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng*. Đại hội VIII là: *Nhà nước chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giúp đỡ đồng bào có đạo xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống, tham gia các công việc xã hội, từ thiện*. Đại hội IX là: *Phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức của tôn giáo. Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo*. Đại hội X là: *Đồng bào các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc... Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo... Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ*. Đại hội XI là: *Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với*

quan điểm của Đảng. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo; động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật.

Cùng với việc khẳng định nguyên tắc chung về quan điểm chính sách, do bám sát thực tế nhạy bén với tình hình, mỗi kỳ Đại hội, Đảng lần lượt đi vào những vấn đề chính trị mới nảy sinh, từng bước bổ sung, hoàn chỉnh quan điểm, chính sách đối với tôn giáo, quan tâm và tạo điều kiện để các tôn giáo ở Việt Nam gắn bó, đồng hành cùng dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Đối mới chính sách đối với một số tôn giáo mang tính đặc thù

Khái niệm “Tôn giáo mang tính đặc thù” mà bài viết sử dụng là nói đến tôn giáo có lịch sử hoặc hiện tại truyền giáo phức tạp, gắn với yếu tố chính trị nhạy cảm, hoặc tôn giáo truyền bá phát triển trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn quyền vấn đề tôn giáo với dân tộc là những vấn đề nhạy cảm về chính trị. Đó là 3 tôn giáo: Tin Lành; Islam giáo và Phật giáo Nam tông.

2.1. Đối với Tin Lành

Từ năm 1986, Tin Lành phát triển bùng phát ở Tây Nguyên và Tây Bắc nước ta. Tin Lành là một tôn giáo cải cách tách ra từ Công giáo thế kỷ XVI. Ở các nước Phương Tây và sau này là phát triển ở Bắc Mỹ, Tin Lành có những đóng góp thúc đẩy xã hội các nước và ở khu vực này phát triển. Ở Việt Nam, Tin Lành truyền vào Việt Nam thời thuộc Pháp. Vì các lý do khác nhau trong đó có việc Tin Lành cấm tuyệt đối các tín đồ thờ cúng tổ tiên - một nét đẹp trong đời sống tâm linh của người Việt, nên đã không được người dân Việt chấp nhận. Khi xâm lược Việt Nam, Mỹ đã sử dụng Tin Lành vào việc chống phá cách mạng Miền Nam, thể hiện rõ nét ở Tây Nguyên. Tại đây, FULRO - một lực lượng phản động - câu kết với một số phần tử Tin Lành để chống phá cách mạng Miền Nam. Sau ngày Miền Nam giải phóng, hoạt động chống phá ngày càng rõ nét. Đồng bào và các lực lượng vũ trang ở Tây Nguyên phải chiến đấu gian nan, vất vả nhiều năm ròng mới giữ yên được vùng đất Tây Nguyên. Mặc dù vậy từ cuối những năm 1990 đầu năm 2000, FULRO lại trỗi dậy hoạt động. Nhóm FULRO trong giới Tin Lành lập ra Tin Lành DEGA, làm

hậu thuẫn cho cái gọi là nhà nước DEGA tự trị. Trong các vụ bạo loạn năm 2000 và 2001 ở Tây Nguyên đều có sự tham gia chỉ đạo của Tin Lành DEGA và FULRO. Như vậy, Tin Lành ở Tây Nguyên không chỉ đơn thuần là tôn giáo thuần túy, mà còn là việc lợi dụng tôn giáo này vào âm mưu bạo loạn chính trị, lật đổ, lập ra nhà nước ly khai.

Tương tự, cũng vào thời điểm từ năm 1986 ở vùng núi phía Bắc, nơi sinh sống của đồng bào Hmông và sau này là vùng người dân tộc Dao xuất hiện tin đồn vua của người Mông là Vàng Trứ (vương chủ) ra đời cứu giúp người Hmông, sau đó là nhân vật Thìn Hùng trong người Dao. Tin đồn làm cho người Hmông bỏ sản xuất, tập bay để đi theo Vàng Trứ. Trong người Hmông lan truyền tin khi vua xuất hiện người Hmông sẽ hết khổ, đá núi biến thành gà, vịt, lợn, bò, ngựa... núi đồi được san phẳng, không làm cũng có ăn. Muốn vậy người Hmông phải học cách cúng mới, bỏ bàn thờ tổ tiên để đi theo Vàng Trứ. Vàng Trứ một nhân vật hư ảo được dựng lên rồi chuyển hóa dần dần thành Jesus - Thiên Chúa, và cuối cùng là sự dọn đường cho việc lộ diện một tôn giáo - Tin Lành. Việc truyền bá Tin Lành trong người Hmông không theo con đường “chính thống”, nhưng quan trọng hơn các thế lực phản động chính trị lợi dụng việc truyền bá này để nhem nhóm lập Nhà nước Hmông tự trị, ly khai. Hàng ngàn cuộc tụ tập trái phép trong các làng của người Hmông. Người Hmông theo Tin Lành đoạn tuyệt với thờ cúng tổ tiên, với văn hóa truyền thống. Nội bộ người Hmông xảy ra mâu thuẫn giữa những người theo Tin Lành và người không theo. Sản xuất bị đình trệ. Đời sống bà con trở nên đói khổ. Những cuộc di, dịch cư lớn xảy ra.

Trước tình hình diễn biến phức tạp của Tin Lành ở Tây Nguyên và Tây Bắc, Đảng kịp thời ban hành chỉ thị, thông báo, thông tri xác định rõ chủ trương, chính sách đối với Tin Lành. Ngày 30/11/1998, Thường vụ Bộ Chính trị (khóa VIII) ra Thông báo 184/TB/TW; Thông báo kết luận 255/TB-TW, ngày 7/10/1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII) *Về chủ trương đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới*. Thông báo kết luận 255/TB-TW khẳng định chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tôn giáo và không tôn giáo của mọi công dân; Từng hệ phái Tin Lành khi có hiến chương, điều lệ, đường hướng hành đạo phù hợp với chính sách và luật pháp sẽ được xem xét cho phép hoạt động; Các hệ phái chưa được công nhận được sinh hoạt tôn giáo cá nhân tại gia đình và cơ sở tôn giáo hợp pháp. Không chủ trương thống nhất các tổ chức, hệ phái Tin Lành.

Trên cơ sở Thông báo số 255-TB/TW, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 11/2000/QĐ-TTg ngày 24/4/2000 triển khai Thông báo 255/TB-TW. Một Ban chỉ đạo có tên là 184 TW (lấy Thông báo số 184 để đặt tên). Ban chỉ đạo 184 lập chương trình thực hiện qua kế hoạch 184A và 184B, đồng thời triển khai thực hiện Thông báo 255/TB-TW. Sau 5 năm thực hiện, tính đến thời điểm ngày 8/9/2004 đã giúp đỡ, tạo điều kiện để Tổng hội Thánh Tin Lành (Miền Bắc) tiến hành Đại hội đồng lần thứ 32. Ở Miền Nam là việc tổ chức thành công Đại hội đồng Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam). Đây là đại hội đồng lần thứ 43 theo lịch sử của Giáo hội. Sau đó Nhà nước đã công nhận tư cách pháp nhân của Tổng Liên hội.

Đối với Tin Lành ở Tây Nguyên: Cơ bản đấu tranh thu hẹp, tiến tới xóa bỏ “Tin Lành DEGA”. Đòi sống đồng bào theo Tin Lành ổn định.

Đối với Tin Lành ở miền núi phía Bắc: qua tuyên truyền vận động, đồng bào hiểu rõ đường lối, chủ trương tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, tham gia đấu tranh với những hành động sai trái, vi phạm pháp luật của bọn lợi dụng truyền đạo. Đồng thời tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất nâng cao¹².

Song, nhận thấy vấn đề Tin Lành cần phải được giải quyết một cách căn cơ, nên ngày 04/02/2005 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 01/2005/CT-TTg *Về một số công tác đối với đạo Tin Lành*. Chỉ thị đánh giá kết quả đạt được trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Tin Lành, đồng thời nêu rõ nhiệm vụ cần tiếp tục thực hiện công tác đối với Tin Lành trong thời gian tới. Do đi vào giải quyết những vấn đề cụ thể nên Chỉ thị 01 mau chóng đi vào cuộc sống, giải quyết được hầu hết những vấn đề vừa có tính chất cấp thiết vừa có tính lâu dài mà công tác đối với Tin Lành đặt ra.

Tài liệu từ Ban Tôn giáo Chính phủ cho biết đến thời điểm đầu năm 2012 các tỉnh Tây Nguyên và Bình Phước có 184 chi hội được công nhận tư cách pháp nhân, 1.284 điểm nhóm được đăng ký hoạt động. Ở miền núi phía Bắc thời điểm đầu năm 2012 có 258 điểm nhóm đăng ký sinh hoạt tôn giáo. Cũng vào thời điểm 2012, có 9 hệ phái (10 tổ chức) Tin Lành được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân. Nhưng quan trọng hơn là “vấn đề Tin Lành” trở lại bình thường. Tín đồ Tin Lành tin tưởng hơn vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, yên tâm hành đạo, sống tốt đời đẹp đạo; Góp phần đấu tranh xóa bỏ “Tin

Lành DEGA”, đấu tranh với những luận điệu sai trái của các thế lực phản động lợi dụng việc truyền đạo để chống phá cách mạng.

2.2. Đối với Islam giáo

Dân tộc Chăm ngày nay sinh sống chủ yếu ở Ninh Thuận, Bình Thuận, ngoài ra là những bộ phận cư dân sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, An Giang,... Người Chăm tin theo Bàlamôn giáo và Phật giáo khoảng từ đầu Công nguyên, từ khoảng thế kỷ XV là Islam giáo¹³.

Do tính phức tạp của lịch sử để lại về dân tộc, tôn giáo, đặc biệt là do những hoạt động chia rẽ dân tộc của một số nhóm phản động nên sau ngày Miền Nam giải phóng tình hình an ninh chính trị trong vùng dân tộc Chăm nổi lên những vấn đề phức tạp. Thêm vào đó, do khí hậu khắc nghiệt, nên đời sống của đồng bào Chăm vùng Ninh Thuận, Bình Thuận luôn gặp khó khăn. Vấn đề dân tộc - tôn giáo trong vùng đồng bào Chăm ngày càng nổi lên nhiều bức xúc đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải có chủ trương chính sách cụ thể. Ngày 26/10/1981, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Chỉ thị số 121-CT/TW *Chỉ thị về công tác đối với đồng bào Chăm*. Chỉ thị nêu rõ đóng góp của đồng bào Chăm trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giành độc lập, thống nhất đất nước; ghi nhận đóng góp của đồng bào Chăm trong việc tham gia vào công cuộc xây dựng bảo vệ Tổ quốc sau ngày đất nước thống nhất, đồng thời chỉ rõ những khó khăn của đời sống nhân dân Chăm, chỉ ra nguyên nhân chủ quan, khách quan. Trên cơ sở đó, Chỉ thị yêu cầu các ngành các cấp từ Trung ương đến địa phương làm tốt những công việc: Tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng; Phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân; Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế và xã hội; Giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Chỉ thị đã được các tỉnh, thành phố đặc biệt là hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận (lúc đó là Thuận Hải) thực hiện nghiêm túc. Đời sống của cư dân Chăm, các phong trào trong vùng người Chăm có sự chuyển biến rõ rệt.

Trước những diễn biến trong đồng bào Chăm (cả tích cực lẫn tồn tại), ngày 17/10/1991, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Thông tri 03-TT/TW *về công tác đối với đồng bào Chăm*. Thông tri yêu cầu tháo gỡ những vướng mắc về ruộng đất, thủy lợi, phát triển ngành nghề truyền thống “củng cố đoàn kết dân tộc, xử lý phù hợp phong tục tập quán, vấn

đề ruộng “kút” của đồng bào Chăm theo Bàlamôn giáo, ruộng Thánh đường của đồng bào theo đạo Hồi”.

Ngày 18/02/2004, Chính phủ ban hành Chỉ thị số 06/2004/CT-TTg về việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - trật tự đối với vùng đồng bào Chăm trong tình hình mới. Cùng với việc quan tâm đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội vấn đề tôn giáo trong cộng đồng cư dân Chăm nhất là Bani giáo và Islam giáo, Đảng cũng có chủ trương, chính sách sát hợp và kịp thời. Ngày 30/9/2003, Ban Chấp hành Trung ương ban hành văn bản số 119-TB/TW thông báo ý kiến Ban Bí thư về chủ trương công tác đối với Hồi giáo trong tình hình mới. Thực hiện Thông báo số 119-TB/TW, một số tỉnh, thành phố lần lượt cấp Giấy đăng ký hoạt động tôn giáo và công nhận tổ chức tôn giáo cho hai cộng đồng Islam giáo: Ban Đại diện Cộng đồng Islam giáo tỉnh An Giang, công nhận tháng 12 năm 2004; Ban Đại diện Cộng đồng Islam giáo tỉnh Tây Ninh, công nhận tháng 12 năm 2008, (trước đó, năm 1992 Ban Đại diện Cộng đồng Islam giáo Thành phố Hồ Chí Minh đã được công nhận).

Tính đến thời điểm năm 2008, Islam giáo có 28.736 tín đồ, 300 chức sắc. Về cơ sở thờ tự: Thánh đường có 40, tiểu thánh đường 22. Các thánh đường đều có Hội đồng Giáo cả thánh đường Islam giáo điều hành công việc tôn giáo. Mọi sinh hoạt tôn giáo ở các thánh đường diễn ra bình thường. Hằng năm, đều có tín đồ Islam giáo hành hương về Mecca.

Với Bani giáo: Năm 2007, Hội đồng Sư cả Bani giáo tỉnh Ninh Thuận được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động. Tính đến thời điểm năm 2008, Bani giáo có: 43.996 tín đồ, 399 chức sắc, 17 cơ sở thờ tự.

2.3. Đối với Phật giáo Nam tông Khmer

Ở miền Tây Nam Bộ hiện có khoảng 1,3 triệu người dân tộc Khmer. Đồng bào Khmer hầu hết theo Phật giáo Nam tông. Với đồng bào Khmer, tôn giáo (Phật giáo Nam tông) gắn chặt với dân tộc Khmer. Trước những diễn biến phức tạp về dân tộc, tôn giáo diễn ra trong vùng đồng bào dân tộc Khmer, ngày 18/4/1991 Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) ban hành Chỉ thị số 68-CT/TW Về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer. Chỉ thị 68-CT/TW khẳng định chùa chiền và sư sãi có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống đồng bào dân tộc Khmer. Tôn giáo và bản sắc dân tộc gắn chặt, hòa quyện vào nhau. Vì vậy phải cùng lúc thực hiện cả chính sách tôn giáo và chính sách dân tộc. Chỉ thị yêu cầu tái lập *Hội đoàn kết sư sãi*, một tổ chức yêu nước của đồng bào Khmer ra đời trong

thời kỳ chống Mỹ có vai trò làm trung tâm đoàn kết, vận động sư sãi, Phật tử Khmer yêu nước đứng lên kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bảo vệ đạo pháp, bảo vệ khóm ấp, giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước. Tuy nhiên tháng 11/1981, Hội đoàn kết sư sãi Khmer yêu nước cùng với 8 tổ chức hệ phái Phật giáo cả nước thống nhất trong một tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đến thời điểm Chi thị ban hành chỉ còn tỉnh Hậu Giang (cũ) do nhu cầu, nhiệm vụ và thực tế tại địa phương vẫn tiếp tục duy trì tổ chức này. Chi thị chỉ đạo nhiều vấn đề cụ thể đặt ra vào thời điểm lúc bấy giờ như: Nghiên cứu mở trường Pali cấp cao khi có điều kiện để dạy giáo lý cho sư sãi. Tôn trọng, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa chùa chiền Khmer kết hợp với nội dung văn hóa mới. Xây dựng chùa thành những trung tâm văn hóa - thông tin, hướng dẫn thực hiện nếp sống mới của đồng bào Khmer ở các phum, sóc, thành nơi thực nghiệm và ứng dụng khoa học - kỹ thuật, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân, nghiên cứu để đưa một số chùa Khmer có ý nghĩa tiêu biểu về lịch sử và văn hóa vào danh mục xếp hạng của Nhà nước. Chăm sóc đời sống và giúp phương tiện làm việc đối với các vị sư sãi chủ trì các Ban Trị sự Hội Phật giáo địa phương. Biểu dương, khen thưởng các vị sư sãi có công với nước, với dân.

Ngày 14/3/2007, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Thông báo 67-TB/TW: *Kết luận của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc Khmer*. Phần Đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW, Thông báo viết: “Qua 15 năm triển khai thực hiện, công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer đã đạt được những kết quả toàn diện trên các mặt chủ yếu, góp phần quan trọng đối với sự phát triển chung của vùng Tây Nam Bộ. Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng được chú trọng, đồng bào dân tộc Khmer tin tưởng và tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nỗ lực đóng góp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc... Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào có bước cải thiện rõ rệt. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế; giảm nhanh hộ nghèo, tăng dần hộ khá và giàu. Việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc đạt kết quả tốt... Sinh hoạt tôn giáo được bảo đảm, quyền tự do tôn giáo của đồng bào được tôn trọng”.

Thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW, đến nay có 8/9 tỉnh, thành phố ở miền Tây Nam Bộ nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống thành lập lại Hội

đoàn kết sư sãi yêu nước. Hội trở thành tổ chức nòng cốt trong phong trào yêu nước, gắn đạo với đời, tạo thế và lực cho Phật giáo Nam tông Khmer gắn bó, đồng hành cùng dân tộc.

3. Thành tựu và bài học kinh nghiệm của tiến trình đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam

3.1. Thành tựu về đổi mới công tác tôn giáo

Công cuộc đổi mới toàn diện do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo bắt đầu từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, nhưng đổi mới có tính chất đột phá về công tác tôn giáo thì phải đợi đến năm 1990 với sự ra đời Nghị quyết 24/TW. Nghị quyết 24/TW ngay từ khi ra đời và trải qua thời gian càng khẳng định đó là bước ngoặt quan trọng đánh dấu tái nhận thức về tôn giáo cũng như đổi mới toàn diện về tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Nghị quyết tạo nên nền tảng để các nghị quyết, chỉ thị của Đảng sau này về tôn giáo và là căn cứ lý luận để Nhà nước ban hành chính sách về tôn giáo.

Phần *Tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo* Nghị quyết 25-NQ/TW, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) đánh giá vai trò, tác động của Nghị quyết 24/TW đối với công tác tôn giáo ở nước ta: Nhờ có đường lối và chính sách đổi mới mà công tác tôn giáo ở nước ta có những biến đổi rõ nét: “Đồng bào các tôn giáo đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhìn chung các tổ chức tôn giáo đã xây dựng đường hướng hành đạo, hoạt động theo pháp luật; các tôn giáo được Nhà nước công nhận đã hành đạo gắn bó với dân tộc, tập hợp đông đảo tín đồ trong khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng cuộc sống tốt đời, đẹp đạo góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước”.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 20/7/2009, Ban Chấp hành Trung ương đã có đánh giá kết quả như sau: “Đã tạo được sự chuyển biến căn bản nhận thức của cán bộ, đảng viên trong toàn bộ hệ thống chính trị và xã hội về tôn giáo, tư tưởng định kiến với tôn giáo giảm; công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo từng bước đi vào nền nếp, có hiệu quả; nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân đối với công tác tôn giáo.

Tình hình tôn giáo cơ bản ổn định; các tôn giáo có sự phát triển tín đồ, chức sắc, nhà tu hành; sinh hoạt tôn giáo sôi động; cơ sở thờ tự được xây dựng mới, tu bổ khang trang. Tổ chức Giáo hội được củng cố từ Trung ương đến cơ sở; hoạt động đối ngoại của các tôn giáo và cá nhân tôn giáo

được tăng cường. Quần chúng tín đồ, chức sắc tôn giáo phấn khởi tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện nhân đạo, các phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, các lễ hội tôn giáo truyền thống, bảo đảm an toàn trật tự, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước¹⁴.

Đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam về phương diện lý luận cũng như kết quả đem lại không chỉ được khẳng định ở trong nước mà còn được khẳng định trên trường quốc tế. Với một sự thật không thể phủ bác, năm 2006, Hoa Kỳ đã đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các nước cần được quan tâm đặc biệt về tôn giáo (CPC).

Kết quả đem lại ở trong nước đã làm cho bộ mặt tôn giáo ở Việt Nam thay đổi một cách cơ bản. Trước Đổi mới, khi nói đến diện mạo tôn giáo ở Việt Nam chỉ thấy nhắc đến 6 tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo). Đến thời điểm 2012 đã là 13 tôn giáo (ngoài 6 tôn giáo được nhắc đến ở trên, còn 7 tôn giáo khác như Tịnh độ cư sĩ Phật hội, Bani, Baha'i, Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo, Minh lý đạo Tam tông miếu, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa). Trong thời gian tới, một số tôn giáo vẫn đang được tiếp tục xét để có thể cấp giấy chứng nhận hoạt động tôn giáo. Cùng với 13 tôn giáo là 40 tổ chức tôn giáo được cấp đăng ký hoạt động và công nhận¹⁵.

Hầu hết các tôn giáo đều đề ra đường hướng hành đạo với nội dung là gần bó, đồng hành cùng dân tộc. Phật giáo là “Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội”. Công giáo là “Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc”. Tin Lành, tuy mỗi Hội Thánh có khẩu hiệu riêng, nhưng tựu chung là “Sống Phúc âm, Phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và dân tộc”. Đạo Cao Đài “Nước vinh Đạo sáng”. Phật giáo Hòa Hảo “Vì đạo pháp vì dân tộc”. Tịnh độ cư sĩ Phật hội “Phước - Huệ song tu”. Đạo Bhai'i: “Hoạt động tuân thủ pháp luật Việt Nam, nêu cao tinh thần đoàn kết, hòa hợp dân tộc, tôn giáo vì sự phát triển kinh tế đất nước”. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương: “học Phật, tu Nhân”. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa: “tu Nhân, học Phật”. Minh Sư đạo: “Từ bi - Giác ngộ - Giải thoát”. Minh lý đạo: “Kết hợp tinh hoa của ba tôn giáo lớn ở Phương Đông là Phật - Đạo - Nho là một (quy nguyên tam giáo) để hướng dẫn tín đồ, môn sinh tu hành, tự độ, vị tha dẫn loài người xây dựng một xã hội hòa bình, an lạc”.

Nhờ có quan điểm, chính sách đối với tôn giáo thông thoáng và cởi mở, tôn giáo ở Việt Nam không chỉ thay đổi về diện mạo mà ngày càng khẳng định vai trò, vị trí trong xã hội mới, nổi rõ nhất chính là tạo nên nguồn lực tinh thần và vật chất để phát triển xã hội.

Cùng với việc Đổi mới về công tác đối với tôn giáo, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với tôn giáo dần dần được mở ra ngày càng sát hợp với thực tế. Nếu như Nghị quyết 24-NQ/TW mở đầu cho việc đổi mới công tác tôn giáo thì *Báo cáo Chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội VII năm 1991, lần đầu tiên Đảng ta có sự tách bạch giữa tín ngưỡng và tôn giáo. Để rồi sau đó, *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* năm 2004 có sự tách bạch. Khoản 1 và Khoản 2, Điều 3 *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* viết:

1. *Hoạt động tín ngưỡng* là thể hiện sự tôn thờ Tổ tiên; tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng, thờ cúng thần thánh, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội.

2. *Cơ sở tín ngưỡng* là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng, bao gồm đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ và những cơ sở tương tự khác¹⁶.

Khi chế định hai nội dung: hoạt động tín ngưỡng và hoạt động tôn giáo, *Pháp lệnh* có một số điều quy định về hoạt động tín ngưỡng. Chẳng hạn Điều 5 của *Pháp lệnh*: “Nhà nước bảo đảm quyền hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật; tôn trọng, phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tôn giáo; giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng nhằm góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng nhu cầu tâm linh và đời sống tinh thần của nhân dân.”¹⁷

Quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo được nhân dân cả nước đón nhận. Nhưng giá trị mà tôn giáo đem lại không chỉ phục hồi truyền thống mà còn là phát huy, tạo ra những giá trị mới trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ nhất, thông qua hoạt động tưởng niệm và tôn vinh những người có công với nước, với cộng đồng, những trang sử sống động về lịch sử

dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam tiếp tục được lưu truyền; tham gia vào việc giáo dục thế hệ trẻ tự hào về truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Thứ hai, thờ cúng tổ tiên vẫn sẽ là hoạt động quy tâm, đoàn kết cộng đồng. Tùy theo mỗi cấp độ mà việc thờ cúng có vai trò quy tâm, đoàn kết cộng đồng khác nhau: gia đình, dòng họ, làng xóm. Từ sau khi Đảng, Nhà nước quy định ngày giỗ tổ Hùng Vương là quốc lễ, việc thờ cúng các Vua Hùng ngày càng khởi sắc, tạo sự tin tưởng mới cho con dân đất Việt ở trong nước hay đang làm ăn sinh sống ở nước ngoài tự hào hơn, gắn bó hơn với dân tộc theo một quan niệm chung một Quốc Tổ.

Thứ ba, khi được khơi dậy, lễ hội tôn giáo góp phần quan trọng vào việc duy trì, phát huy những giá trị văn hóa dân tộc, có những giá trị tưởng như đã mai một nay chẳng những được “đánh thức” mà còn được UNESCO công nhận là di sản văn hóa nhân loại như: Dân ca Quan họ, Ca trù, hát xoan, không gian và lễ hội công chiêng Tây Nguyên...

Một số nhà nghiên cứu nhận xét, công cuộc Đổi mới toàn diện do Đảng khởi xướng và lãnh đạo trên nhiều lĩnh vực và lĩnh vực nào cũng đạt được kết quả quan trọng, nhưng có lẽ một trong những lĩnh vực đạt được kết quả quan trọng nhất là đổi mới trên lĩnh vực tôn giáo. Đổi mới không chỉ làm thay đổi tư duy, nhận thức về tôn giáo mà còn tạo nên một đời sống tôn giáo với những biến đổi sâu sắc. Bộ mặt tôn giáo ở Việt Nam thay đổi cơ bản. Đồng thời, đồng bào có đạo tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện phương châm “Sống tốt đời, đẹp đạo”. An ninh chính trị, trật tự an toàn được giữ vững. Những tiêu cực trong tôn giáo dần dần được đẩy lùi.

3.2. Bài học kinh nghiệm của tiến trình đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam

Thành tựu đạt được của công tác tôn giáo trong tiến trình đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam để lại bài học kinh nghiệm quý giá cần được chỉ ra.

3.2.1. Đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo là tất yếu của công cuộc Đổi mới toàn diện phát triển đất nước; Quan điểm chính sách Đổi mới phải phù hợp với thực tế đất nước, hội nhập với quốc tế, xử lý mềm dẻo, linh hoạt quan hệ tôn giáo và dân tộc, thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có quan điểm đúng đắn về công tác tôn giáo. Cùng với những nguyên lý bất di bất dịch là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, tập hợp chức sắc, tín đồ các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sau khi nhà nước Dân chủ Nhân dân được thành lập (9/1945), Đảng và Nhà nước Việt Nam căn cứ vào tình hình thực tiễn cách mạng đặt ra mà có quan điểm, chính sách tôn giáo phù hợp. Nghị quyết 25-NQ/TW khẳng định: “Trong cách mạng dân tộc, dân chủ, chính sách “tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết” do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đoàn kết toàn dân kháng chiến thắng lợi, giành độc lập thống nhất hoàn toàn cho đất nước”. Sau ngày Miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, tình hình tôn giáo ở Việt Nam có những biến đổi sâu sắc. Đặc biệt, khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, phát triển toàn diện cùng với việc đổi mới tư duy trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị - xã hội, đổi mới về công tác tôn giáo tất yếu không thể đứng ngoài cuộc. Bởi quan điểm, chính sách tôn giáo không chỉ giải quyết vấn đề tôn giáo thuần túy mà còn liên quan đến vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội. Do vậy, đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo phải được thực hiện trên nền tảng đổi mới các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội đạt được những thành tựu, đất nước ổn định. Do tính tế nhị, nhạy cảm của tôn giáo nên đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo phải được thực hiện theo từng bước đi thận trọng, tránh sự nóng vội, chủ quan duy ý chí đã từng diễn ra đối với công tác tôn giáo trước đổi mới. Đổi mới công tác tôn giáo phải bắt đầu từ phương pháp luận, tái nhận thức về bản chất, vai trò, chức năng của tôn giáo. Đổi mới không phải là sự phủ nhận sạch trơn quá khứ, mà phải dựa trên nền tảng truyền thống và những kinh nghiệm thành bại của cha ông để lại về cách ứng xử với tôn giáo, trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo, đặc biệt là sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác tôn giáo. Chỉ có như vậy công cuộc Đổi mới trên lĩnh vực tôn giáo tránh được sự xáo trộn, sự đứt gãy và có tính biện chứng cao.

Đổi mới công tác tôn giáo sau “đột phá” của Nghị quyết 24-NQ/TW là một chặng đường mà ở đó phải được tổng kết, chỉ ra những thành tựu và những bất cập để tiếp tục kế thừa và phát triển. Điều này được thể hiện qua Chỉ thị số 37-CT/TW; Nghị quyết số 25-NQ/TW, Cương lĩnh phát triển đất nước và Báo cáo Chính trị qua các kỳ Đại hội Đảng. Nhờ đó

quan điểm, chính sách tôn giáo nhìn chung kịp thời, phù hợp với thực tế tình hình tôn giáo ở Việt Nam từng bước phù hợp với các công ước quốc tế. Bởi Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu với quốc tế trên nhiều lĩnh vực trong đó có tôn giáo.

Với một số tôn giáo trong lịch sử, cũng như hiện tại “có vấn đề tồn tại”, đặc biệt là vấn đề tôn giáo gắn với dân tộc ngoài quan điểm, chính sách chung, Đảng, Nhà nước còn phải có quan điểm, chính sách riêng mềm dẻo, linh hoạt nhằm giải quyết tốt mối quan hệ tôn giáo và dân tộc, hướng tới đại cục thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.2.2. Đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo phải gắn chặt với việc từng bước hoàn thiện chính sách, luật pháp tôn giáo, quản lý hoạt động tôn giáo bằng luật pháp

Trên cơ sở đổi mới về phương pháp luận, về tái nhận thức đối với tôn giáo, Nhà nước phải kịp thời thể chế hóa bằng văn bản luật pháp. Bởi đây là các trụ cột căn bản của công tác tôn giáo. Vì vậy, sau khi Nghị quyết 24-NQ/TW ban hành, ngày 21/3/1991, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 69-HĐBT *Quy định về các hoạt động tôn giáo*. Thực hiện Chỉ thị 37 của Bộ Chính trị, ngày 19/4/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 26/1999/NĐ-CP *Về các hoạt động tôn giáo*. Cả hai Nghị định trên với các điều, khoản đã chế định được hầu hết các hoạt động tôn giáo diễn ra lúc bấy giờ, nhất là những vấn đề mà một số tôn giáo đang bức xúc, chẳng hạn như nhà, đất và các tài sản khác liên quan đến tổ chức và cá nhân tôn giáo; Hoạt động quốc tế của các tôn giáo, các dòng tu. Nghị định 26/1999/NĐ-CP (Điều 8, khoản 1) chế định quan điểm đề ra ở Nghị quyết 24-NQ/TW “Các giáo hội và các hệ phái tôn giáo có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp Nhà nước, có tổ chức thích hợp và có bộ máy nhân sự đảm bảo tốt cả hai mặt đạo, đời được Nhà nước xem xét trong từng trường hợp cụ thể, để cho phép hoạt động”.

Trong điều kiện mở rộng dân chủ, mỗi khi ban hành Nghị định, các cơ quan quản lý phải biết lắng nghe, tiếp thu những góp ý của các tôn giáo để điều chỉnh cho các văn bản sau. Bởi có những vấn đề tôn giáo biến động nhanh chóng mà người làm luật chưa thể quán xuyên hết.

Cũng trên tinh thần Chỉ thị 37, một số cơ quan chức năng tiến hành soạn thảo Pháp lệnh về tôn giáo. Vấn đề soạn thảo Pháp lệnh về tôn giáo

được tiếp tục nhắc đến trong Nghị quyết 25-NQ/TW. Chẳng những thế, Nghị quyết còn yêu cầu chuẩn bị tiến tới xây dựng Luật tôn giáo. Cũng như việc đề ra quan điểm, chính sách đối với tôn giáo, việc hoàn thiện luật pháp về tôn giáo cần phải được tiến hành theo tiến trình với những bước đi thận trọng. Văn bản luật pháp về tôn giáo phải thể hiện được quan điểm, chính sách tôn giáo đổi mới của Đảng, Nhà nước, có quán chiếu Hiến pháp và các văn bản luật có liên quan, đồng thời phải tương thích với luật pháp quốc tế, điều chỉnh lĩnh vực hoạt động tôn giáo và quyền con người, nhất là những công ước mà Việt Nam ký kết và gia nhập. Trong quá trình hoàn thiện, các cơ quan chức năng cần tiến hành hội thảo xin ý kiến đóng góp của chức sắc, nhà tu hành, trí thức tôn giáo. Mọi đóng góp của họ đều được lắng nghe, nghiên cứu nếu thấy hợp lý và đúng đắn phải được bổ sung vào văn bản.

Trên bước đường hoàn thiện văn bản luật pháp về tôn giáo, cần thiết ban hành những Chỉ thị giải quyết những vấn đề mà thực tế đặt ra. Thực tế cho thấy, sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 01/2005/CT-TTg ngày 4/2/2005 *Về một số công tác đối với đạo Tin Lành* và Chỉ thị 1940/CT-TTg ngày 31/12/2008 *Về nhà, đất liên quan đến tôn giáo* - hai vấn đề “nóng”, những vụ việc tôn giáo phức tạp phát sinh từ hai vấn đề trên lần lượt được giải quyết¹⁸.

Trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc từng bước hoàn thiện chính sách, pháp luật về tôn giáo nhằm quản lý hoạt động tôn giáo bằng pháp luật là cần thiết. Luật pháp càng hoàn thiện, càng tránh xảy ra những điều bất hợp lý trong quản lý tôn giáo. Và còn bởi giải quyết vụ việc tôn giáo trước hết phải *thượng tôn pháp luật*. Hiện tại dưới sự chỉ đạo của Quốc hội, các cơ quan chức năng đang xây dựng Luật tôn giáo trong lộ trình hoàn thiện luật pháp tôn giáo.

3.2.3. *Quan tâm, tạo điều kiện phát huy giá trị tôn giáo, tạo nguồn lực để phát triển xã hội*

Bắt đầu từ Nghị quyết 24-NQ/TW với sự nhìn nhận vai trò của đạo đức tôn giáo trong công cuộc xây dựng xã hội mới, các Chỉ thị, Nghị quyết, Báo cáo Chính trị tại các kỳ Đại hội Đảng tiếp theo đều nhìn nhận các giá trị tôn giáo. Đó trước hết là Chỉ thị 37 của Bộ Chính trị. Nhiệm vụ thứ 2 trong 7 nhiệm vụ chỉ thị nêu rõ: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức lành mạnh, hướng thiện của tôn giáo phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc”. Với Nghị quyết 25-NQ/TW là giữ gìn và phát huy

truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với Tổ quốc, dân tộc và nhân dân; tôn trọng tín ngưỡng truyền thống của đồng bào các dân tộc và đồng bào có đạo. Vấn đề phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo lần lượt được khẳng định trong Báo cáo chính trị Đại hội IX và Đại hội XI. Với Chỉ thị 37, một trong những giải pháp công tác tôn giáo được Bộ Chính trị đặt ra là: Giải quyết việc tôn giáo tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục...

Lịch sử dân tộc cho thấy, nhà nước nào có cách nhìn nhận, ứng xử biết phát huy những giá trị tôn giáo sẽ tạo được nguồn lực để phát triển xã hội. Khác với một số nguồn lực khác (chẳng hạn nguồn lực về tài nguyên) nguồn lực hay là giá trị tôn giáo gồm cả nguồn lực tinh thần và nguồn lực vật chất.

Thời đại ngày nay khi mà thế giới đã và đang hướng tới việc xây dựng xã hội công dân, việc quan tâm và tạo điều kiện cho các tôn giáo tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa trên các lĩnh vực y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục... là hết sức cần thiết. Bởi đây là thế mạnh của các tôn giáo. Các tôn giáo tham gia các hoạt động này chia sẻ gánh nặng đối với Nhà nước. Khi tham gia xã hội hóa, người tín đồ càng nhận thức rõ hơn vai trò công dân trong một tương quan “sống tốt đời, đẹp đạo”, có điều kiện gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Sự nhìn nhận giá trị tôn giáo là động lực để tín đồ các tôn giáo yên tâm hành đạo, sống đạo, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, ngày càng phát huy, bồi đắp những giá trị tôn giáo tạo nên những nguồn lực mới tham góp vào việc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3.2.4. Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tôn giáo để mê hoặc, chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc làm phương hại đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

Do tính đặc thù, tôn giáo ở Việt Nam dễ bị lợi dụng vào các hoạt động chống phá chính quyền. Mặt khác, chính mỗi tôn giáo cũng có những mặt trái của nó. Vì vậy, chủ động phòng ngừa, đấu tranh với những hành vi sai trái lợi dụng tôn giáo vào âm mưu chính trị phản động, cũng như phòng ngừa, đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực nảy sinh từ tự thân tôn giáo phải luôn được đặt ra. Bởi nếu không chủ động phòng ngừa, đấu tranh để sự việc xảy ra, việc giải quyết sẽ hết sức phức tạp, đôi khi kéo dài, dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng, chuyển hóa thành vấn đề nhân

quyền hay chuyển hóa thành vấn đề chính trị, tạo điểm nóng tôn giáo. Trong các văn kiện, Đảng ta luôn khẳng định: Đồng bào các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Do đó, các thế lực thù địch khi nhằm vào việc phá hoại khối đoàn kết dân tộc, làm suy yếu thể nước thường lấy tôn giáo làm ngòi nổ. Đối với những tiêu cực phát sinh từ bản thân tôn giáo, biện pháp là vận động, thuyết phục. Đối với thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo vào âm mưu chính trị phản động thì kiên quyết đấu tranh. Do đây là vấn đề phức tạp nên khi đấu tranh có phân biệt kẻ chủ mưu, cầm đầu với quần chúng bị lợi dụng. Với quần chúng bị lợi dụng là giáo dục thuyết phục để họ hiểu rõ việc làm sai trái, tự nguyện vứt bỏ. Đối với kẻ chủ mưu, cầm đầu khi đấu tranh phải vận động thuyết phục để họ nhận ra tội lỗi quay về với chính nghĩa. Cần hết sức tránh “bé xé ra to”, làm cho tình hình thêm phức tạp.

Có thể còn có những bài học kinh nghiệm khác chẳng hạn như: Xây dựng bộ máy và cán bộ làm công tác tôn giáo có bản lĩnh chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; Nghiên cứu, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm công tác tôn giáo làm cơ sở cho việc tiếp tục đổi mới quan điểm, chính sách tôn giáo... Song theo chúng tôi, 4 bài học kinh nghiệm được chỉ ra ở trên là những vấn đề căn cốt được rút ra từ tiến trình đổi mới quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nghị quyết số 25-NQ/TW Về công tác tôn giáo trong tình hình mới (ngày 12/3/2003), Lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- 2 Nghị quyết số 25-NQ/TW Về công tác tôn giáo trong tình hình mới, tldd.
- 3 Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 43, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006: 33; Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 47, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006: 451.
- 4 Xem: *Nghị quyết của Ban Bí thư về công tác đối với các tôn giáo trong tình hình mới*. Số 40-NQ/TW, Hà Nội ngày 01/10/1981. Lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- 5 Xem: Nghị quyết số 279-CP của Hội đồng Chính phủ Về một số chính sách đối với tôn giáo ngày 11/11/1977.
- 6 Xem: Ban Chấp hành Trung ương, số 24-NQ/TW, Nghị quyết của Bộ Chính trị Về tăng cường công tác trong tình hình mới, số 24-NQ/TW, ngày 16/10/1990.
- 7 Xem: Ban Chấp hành Trung ương, số 37, *Chỉ thị về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, Hà Nội, 02/7/1998.
- 8 Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

- 9 Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 51, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007: 142.
- 10 Xem: Báo *Nhân dân*, ngày 19/3/2011.
- 11 Xem các văn kiện sau: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 41: 105, sdd; Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996; Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001: 128; Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006: 122-123; Báo *Nhân dân*, ngày 19/3/2011.
- 12 *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới* của Ban chỉ đạo 184, Hà Nội, ngày 8/9/2004. Tài liệu lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- 13 Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trương gọi Islam giáo. Tuy nhiên, ở Việt Nam nhất là trong cộng đồng cư dân Chăm vẫn quen dùng tên gọi Hồi giáo.
- 14 Ban Chấp hành Trung ương - Ban chỉ đạo tổng kết Nghị quyết TW 7 (Khóa IX), *Báo cáo 5 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa IX) về công tác tôn giáo trong tình hình mới*.
- 15 Xem: Nguyễn Thanh Xuân, Vũ Văn Hoàng Hà, Nguyễn Ngọc Quỳnh (2012), *Hỏi - Đáp chính sách của Đảng, Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 19, 20.
- 16 Ban Tôn giáo Chính phủ (2005), *Văn bản pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 12.
- 17 Ban Tôn giáo Chính phủ (2005), *Văn bản pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo*,... sdd: 12.
- 18 Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 190/CT-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về nhà, đất liên quan đến tôn giáo của Ban Tôn giáo Chính phủ tháng 2/2012 cho biết: Theo báo cáo chưa đầy đủ của các tỉnh, thành phố chỉ tính đến năm 2009 đã có 604 xứ, họ đạo Công giáo, chi hội của Tin Lành, chùa của Phật giáo, họ đạo của đạo Cao Đài được lập mới và khôi phục lại; 6.595 cơ sở tôn giáo được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; một số chi hội Tin Lành ở các tỉnh Tây Nguyên, cơ sở của Công giáo đã được xem xét giao đất xây dựng nhà thờ, mở rộng cơ sở đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của tín đồ; một số trường hợp đáng kể là Thành phố Hồ Chí Minh đã giao đất cho Tòa Tổng Giám mục xây dựng Trung tâm Mục vụ, giao 7.500m² đất cho Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) xây dựng Viện Thánh Kinh thần học, 20 ha cho Học viện Phật giáo Việt Nam; tỉnh Đak Lak giao hơn 11.000m² đất cho Tòa Giám mục Buôn Ma Thuột; thành phố Đà Nẵng giao hơn 9.000m² cho Tòa Giám mục Đà Nẵng; tỉnh Quảng Trị giao 15ha đất cho giáo xứ La Vang để mở rộng cơ sở tôn giáo... Theo thống kê của Tổng cục quản lý đất đai, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp được 18.831 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đai cho cơ sở tôn giáo trong cả nước với diện tích 11.275ha trên tổng diện tích 13.711ha cần cấp giấy chứng nhận, đạt tỉ lệ 82,2%.

Abstract**THE VIETNAMESE STATE AND THE COMMUNIST PARTY'S VIEWS AND POLICIES ON RELIGIONS - THE PROCESS OF 40 YEARS (1975 - 2015)**

This article indicated the renovation process of views and policies of the Communist Party and the Vietnamese State towards religion during 40 years from 1975 to 2015. Basing on the chronological method, the author divided the process into two periods: the first one was from 1975 to 1990; the second one was from 1990 to 2015. As a result of the historical context, some guidelines and policies of the Vietnam State and the Communist Party towards religion showed their inadequacies at the period before the “Renovation”. The second period is considered as a breakthrough in “perception of religion”. In 1990, the Politburo issued a Resolution N^o.24 on religious work that determined “Religion is the matter also exists long. Belief and religion is the spiritual needs of a part of people. Religious morality has much consistent with the building of a new society”. In addition, this article examined the renovation policy in the aspect of “some specific religions” such as Protestantism, Islamism, Theravada. Through the research results, the author showed some achievements and experiences of this renovation process.

Keywords: Communist Party, policy, renovation, religion, State, view.